TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2024/LĐ-ST
Ngày: 25 – 7 – 2024
V/v "Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và điều chỉnh Sổ bảo hiểm xã hội"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn công Thức
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Minh;
2. Bà Nguyễn Thị Rạt.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Đỗ Thị Như Ý – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa*:** Bà Võ Thị Ngọc Tư – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 106/2024/TLST – LĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024 về việc *"Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và điều chỉnh Sổ bảo hiểm xã hội*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2024/QĐXXST – LĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Châu Thị Hồng T, sinh năm 1987;
Địa chỉ: Số A12/3B, tổ 12, ấp 1, xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

2. *Bị đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn K
Địa chỉ trụ sở: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.
Người đại diện theo pháp luật: Ông LIM JU HYUN – Tổng Giám đốc

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
- Bà Châu Thị Hồng T1, sinh năm 1991;
Địa chỉ: Số A, tổ A, ấp A, xã L, huyện B, Tp ..

- Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An.
Địa chỉ trụ sở: Số H T, phường D, thành phố T, tỉnh Long An.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần S – Giám đốc.

(Tất cả đương sự xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 5 năm 2024, nguyên đơn bà Châu Thị Hồng T trình bày:

Từ tháng 8 năm 2008 đến tháng 02 năm 2009, bà vào làm tại Công ty TNHH S1 có tham gia bảo hiểm xã hội, từ tháng 5 năm 2009 đến tháng 7 năm 2012 bà vào làm tại Công ty TNHH Q1 và có tham gia bảo hiểm xã hội theo Sổ bảo hiểm xã hội mã số là 8008028683.

Do bản thân không am hiểu về pháp luật và muốn giúp đỡ người em ruột là bà Châu Thị Hồng T1 có thể đi làm tạo thu nhập lo cho gia đình, nên đã cho bà T1 mượn giấy chứng minh nhân dân tên Châu Thị Hồng T để bà T1 đi làm tại Công ty TNHH K trong khoảng thời gian từ tháng 4 năm 2008 đến tháng 5 năm 2010. Khi bà Châu Thị Hồng T1 mang tên Châu Thị Hồng T làm việc tại Công ty TNHH K thì bà T1 cũng tham gia bảo hiểm xã hội theo Sổ bảo hiểm xã hội mã số là 8008015926 (thời điểm này bà Châu Thị Hồng T1 có độ tuổi lao động là 17 tuổi).

Việc cho bà T1 mượn giấy chứng minh nhân dân là không đúng quy định pháp luật và người thực hiện hợp đồng lao động với Công ty TNHH K không phải do bản thân bà thực hiện. Hiện nay tồn tại hai sổ bảo hiểm xã hội có mã số là 8008028683 và 8008015926 cùng mang tên Châu Thị Hồng T nên bà T không thể thực hiện việc chốt sổ bảo hiểm được. Do đó bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Vô hiệu hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Châu Thị Hồng T1 (nhưng trên hợp đồng lao động ghi tên là Châu Thị Hồng T) với Công ty TNHH K với thời gian từ tháng 4 năm 2008 đến tháng 5 năm 2010.

2/ Điều chỉnh Sổ bảo hiểm xã hội mã số 8008015926 cấp cho bà Châu Thị Hồng T thành tên Châu Thị Hồng T1.

Bị đơn Công ty TNHH K do ông LIM JU HYUN đại diện có văn bản trình bày:

Công ty xác định bà Châu Thị Hồng T có ký hợp đồng lao động vào làm việc tại Công ty TNHH K từ tháng 4/2008 đến tháng 5/2010 nhưng Công ty không biết việc bà T1 mượn hồ sơ tư pháp của bà T để làm việc tại công ty. Công ty đã tham gia bảo hiểm xã hội cho bà T1 dưới tên Châu Thị Hồng T từ tháng 4/2008 đến tháng 5/2010. Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công ty đồng ý vô hiệu hợp đồng lao động để hỗ trợ người lao động được chốt sổ bảo hiểm xã hội và không có yêu cầu gì trong vụ án. Đại diện công ty có văn bản đề nghị xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Châu Thị Hồng T1 có văn bản trình bày: Bà xác nhận có mượn giấy chứng minh nhân dân của bà Châu Thị Hồng T là chị ruột để vào làm việc tại Công ty TNHH K từ tháng 4 năm 2008 đến tháng 5 năm 2010. Bà chưa thực hiện các thủ tục để được hưởng trợ cấp BHXH một lần và chưa hưởng tiền trợ cấp BHTN đối với số Sổ bảo hiểm xã hội mã số là 8008015926. Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị Hồng T, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh L trình bày: Căn cứ vào hồ sơ, dữ liệu quản lý thu, sổ, thẻ và chính sách BHXH, bảo hiểm y tế, BHTN, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, Bảo hiểm xã hội tỉnh L xác định Công ty TNHH K có tham gia bảo hiểm cho bà Châu Thị Hồng T từ tháng 4 năm 2008 đến tháng 5 năm 2010 với số sổ bảo hiểm 8008015926, bà Châu Thị Hồng T đã hưởng chế độ bảo hiểm xã hội 1 lần với số tiền hưởng 4.018.395 đồng theo Quyết định số 131315511/QĐ-BHXH ngày 03/8/2011 của bảo hiểm xã hội huyện B, chưa hưởng bảo hiểm thất nghiệp. Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Bà Châu Thị Hồng T yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà với Công ty TNHH K, thời gian lao động từ tháng 4/2008 đến tháng 5/2010 là phù hợp nên được chấp nhận vì thời gian này bà Châu Thị Hồng T không làm việc tại Công ty TNHH K mà bà T làm việc tại Công ty TNHH S1 và Công ty TNHH Q1 và có tham gia bảo hiểm xã hội theo Sổ bảo hiểm xã hội mã số là 8008028683. Thời gian này, bà Châu Thị Hồng T1 ký hợp đồng và làn việc tại Công ty TNHH K và tham gia BHXH sổ số 8008015926.

Việc ông bà Châu Thị Hồng T1 sử dụng giấy tờ của bà Châu Thị Hồng T làm hồ sơ ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH K là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 15, khoản 2 Điều 16, điểm b khoản 4 Điều 49 của Bộ luật Lao động năm 2019.

Từ những lý do trên có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của của bà Châu Thị Hồng T.

Tuyên vô hiệu hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Châu Thị Hồng T1 (nhưng trên hợp đồng lao động ghi tên Châu Thị Hồng T) với Công ty TNHH K từ tháng 4 năm 2008 đến tháng 5 năm 2010.

Điều chỉnh tên Châu Thị Hồng T trên sổ BHXH mã số 8008015926 trong giai đoạn từ tháng 4/2008 đến tháng 5/2010 tại Công ty TNHH K thành tên Châu Thị Hồng T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: Xét yêu cầu khởi kiện của Châu Thị Hồng T nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: "*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh Sổ bảo hiểm xã hội*" vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Công ty TNHH K có trụ sở tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2]. Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết.

Bà Châu Thị Hồng T là người khởi kiện được xác định là nguyên đơn, Công ty TNHH K là người bị kiện được xác định là bị đơn. Bà Châu Thị Hồng T1 và Bảo hiểm xã hội tỉnh L được xác định là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Thời hiệu khởi kiện: Bà Châu Thị Hồng T khởi kiện Công ty TNHH K trong khoảng thời gian từ tháng 4/2008 đến tháng 5/2010 vì cho rằng quyền lợi bị xâm phạm do hợp đồng giả tạo tạo là còn trong thời hiệu khởi kiện nên bà T có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 190 Bộ luật lao động năm 2019, Điều 184 và Điều 186 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3]. Về xét xử vắng mặt: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4]. Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Về chứng cứ: Quá trình tố tụng, bà Châu Thị Hồng T có nộp Sổ BHXH mã số 8008028683; Bản quá trình đóng bảo hiểm xã hội trùng sổ 8008015926 và 8008028683 cùng mang tên Châu Thị Hồng T.

Tòa án xét xử trên cơ sở chứng cứ do người khởi kiện cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập khi thấy cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bộ luật Lao động để áp dụng giải quyết tranh chấp: Các bên tranh chấp hợp đồng lao động trong thời gian từ tháng 4 năm 2008 đến tháng 5 năm 2010 nên Bộ luật Lao động được áp dụng để giải quyết tranh chấp là Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007). Thời điểm giải quyết tranh chấp thì Bộ luật Lao động năm 2019 và Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đang có hiệu lực pháp luật nên được áp dụng.

Tòa án lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

[2].Về nội dung:

[2.1]. Về hợp đồng lao động: Bà Châu Thị Hồng T khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được xác lập giữa Châu Thị Hồng T nhưng do Châu Thị Hồng T1 là người trực tiếp lao động với Công ty TNHH K thời gian từ tháng 4 năm 2008 đến tháng 5 năm 2010 là vô hiệu. Tuy nhiên bà Châu Thị Hồng T không cung cấp được hợp đồng lao động. Căn cứ vào văn bản của Bảo hiểm xã hội tỉnh L xác định Công ty TNHH K có tham gia bảo hiểm cho bà Châu Thị Hồng T từ tháng 4 năm 2008 đến tháng 5 năm 2010 theo Sổ bảo hiểm xã hội mã số 8008015926 nên có căn cứ xác định giữa bà Châu Thị Hồng T với Công ty TNHH K có giao kết hợp đồng lao động, thời hạn hợp đồng từ tháng 4 năm 2008 đến tháng 5 năm 2010.

Xét thấy, bà Châu Thị Hồng T có cho bà Châu Thị Hồng T1 mượn chứng minh nhân dân mang tên Châu Thị Hồng T để xác lập hợp đồng lao động và trực tiếp tham gia lao động, đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 4 năm 2008 đến tháng 5 năm 2010 tại Công ty TNHH K theo sổ BHXH mã số 8008015926. Trong khi đó bà Châu Thị Hồng T cũng trực tiếp tham gia lao động tại Công ty TNHH S1 và Công ty TNHH Q1 và có tham gia bảo hiểm xã hội. Trong khoảng thời gian này, bà Châu Thị Hồng T cũng tham gia đóng bảo hiểm xã hội theo Sổ bảo hiểm xã hội số 8008028683.

Như vậy có căn cứ xác định trong khoảng thời gian từ tháng 4 năm 2008 đến tháng 5 năm 2010 thì người mang tên Châu Thị Hồng T cùng lúc tham gia bảo hiểm xã hội tại doanh nghiệp là Công ty TNHH K, Công ty TNHH S1 và Công ty TNHH Q1.

Do đó, việc bà Châu Thị Hồng T1 trực tiếp tham gia lao động với Công ty TNHH K nhưng xác lập hợp đồng lao động với tên người lao động là Châu Thị Hồng T là vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007), vi phạm nguyên tắc "trung thực" theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ Luật Lao động, vi phạm các hành vi bị cấm như gian lận, giả mạo hồ sơ trong việc thực hiện BHXH, BHTN theo quy định tại khoản 4 Điều 17 của Luật BHXH số 58/2014/QH13 ngày 20 tháng

11 năm 2014 nên có cơ sở xác định hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Châu Thị Hồng T với Công ty TNHH K là không có hiệu lực.

Từ các nhận định nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị Hồng T là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2]. Về hậu quả của hợp đồng lao động bị vô hiệu: Do hợp đồng lao động bị vô hiệu nên sẽ điều chỉnh tên Châu Thị Hồng T trên Sổ bảo hiểm xã hội mã số 8008015926 trong giai đoạn từ tháng 4 năm 2008 đến tháng 5 năm 2010 tại Công ty TNHH K thành tên Châu Thị Hồng T1.

[3]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4].Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Châu Thị Hồng T tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 184, Điều 186, , Điều 91, Điều 93, Điều 97, Điều 147, Điều 195, Điều 196, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007);

Căn cứ Điều 13, khoản 1 Điều 15; khoản 2 Điều 16, Điều 49, Điều 50, Điều 51 và Điều 190 Bộ Luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị Hồng T về việc: "*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và điều chỉnh Sổ bảo hiểm xã hội*" với Công ty TNHH K.

1.1. Tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Châu Thị Hồng T1 (nhưng trên hợp đồng lao động ghi tên là Châu Thị Hồng T) với Công ty TNHH K, thời gian từ tháng 4 năm 2008 đến tháng 5 năm 2010;

1.2. Điều chỉnh Sổ bảo hiểm xã hội mã số 8008015926 cấp cho bà Châu Thị Hồng T do Công ty TNHH K nộp từ tháng 4 năm 2008 đến tháng 5 năm 2010 tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An thành tên Châu Thị Hồng T1.

Bà Châu Thị Hồng T được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Châu Thị Hồng T với Công ty TNHH S1 và Công ty TNHH Q1.

Bà Châu Thị Hồng T1 được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Châu Thị Hồng T1 với Công ty TNHH K theo Sổ bảo hiểm xã hội mã số 8008015926 đã được điều chỉnh.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Bà Châu Thị Hồng T tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001129 ngày 06/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, bà Châu Thị Hồng T đã nộp đủ tiền án phí.

4. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) kể từ ngày được Tòa án tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Văn Công Thức

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Chí L – Trần Thị Đổi Nguyễn Hữu Q